TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HSST

Ngày 23 tháng 4 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hà Văn Bình
2. Bà: Phạm Thị Yến

-Thư ký phiên tòa: Ông Hà Xuân Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thuật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 09/4/2018, đối với bị cáo;

Phạm Văn Ng, Sinh năm 1999; Nơi sinh và Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn S sinh năm 1969 và bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1971; Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 (một); ngày 23/8/2017 Phạm Văn Ng bị Tòa án nhân dân huyện Th xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Ngày 07/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Th xử phạt 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp với 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ thành 03 (ba) tháng tù của bản án số 25/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Th; tổng hình phạt cả hai bản án là 15 (mười lăm)

tháng tù, trừ đi 06 (sáu) ngày tạm giữ. Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/02/2018; bị tạm giam từ ngày 12/02/2018. Có mặt tại phiên tòa.

Những người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông: Trịnh Văn Thịnh trợ giúp viên pháp lý chi nhánh số 3 trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).
2. Bà: Phạm Thị Châm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

- Bị hại: Bà Hoàng Thị Th Sinh năm: 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Th, tỉnh H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Phạm Văn Đ Sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T , xã Th, huyện Th, tỉnh H.

- Người làm chứng:

Ông Phạm Văn S Sinh năm 1970 (vắng mặt)

Ông Phạm Văn T Sinh năm 1969 (vắng mặt)

Chị Phạm Thị Tr Sinh năm 17/7/2002 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Th, tỉnh H.

Bà Nguyễn Thị H Sinh năm 1965 (có mặt)

Chị Trương Thị B Sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện Th, tỉnh H.

Anh Phạm Văn H Sinh năm 1999 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T1, xã X, huyện Th, tỉnh H

Ông Lê Văn S Sinh năm 1957 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố 3, Thị Trấn N, huyện Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 14/12/2017, Phạm Văn Ng, sinh ngày 16/9/1999; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện Th, tỉnh H, nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ti vi của gia đình đem đi bán để lấy tiền tiêu, nên trong lúc bố mẹ vắng nhà Ng đã gọi điện thoại cho Phạm Văn H sinh năm 1999, ở thôn T1, xã X, huyện Th nhờ H đến nhà chở Ng đi việc nên H đồng ý. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, H đi xe môtô đến nhà

gặp Ng thì Ng bảo H đứng đợi ở ngoài cổng để vào chuẩn bị đồ đạc. Khi vào nhà Ng đã lấy một chiếc ti vi màn hình phẳng, loại 43 icnh, nhãn hiệu: KONKA, model 4350S, số máy 43CS1240917A0212, màu đen và một túi quần ra cổng bảo H chở xuống xã Tr. Khi đi qua cầu L thuộc thôn Tr, xã Th khoảng 20 m, Ng bảo H dừng xe lại và đứng ở ngoài lề đường đợi còn Ng một mình ôm chiếc ti vi vào quán sữa chữa ti vi của nhà anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1984 ở thôn Tr xã Th để hỏi bán. Sau khi kiểm tra xong Đ trả giá mua chiếc ti vi với giá 2.000.000đ, Ng đồng ý. Ng giao cho Đ một chiếc ti vi, một điều khiển ti vi, một phiếu bảo hành, một giắc cắm AX và nhận số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Sau khi bán xong Ng nhờ H chở đi xuống xã Tr để đón xe khách đi thành phố H và bị bắt truy nã vào ngày 09/02/2018.

Theo kết luận định giám tài sản ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị một chiếc ti vi nhãn hiệu KONKA, loại 43 icnh, model 4350S, số máy 43CS1240917A0212, màu đen là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Ngày 12/02/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Th đã trả lại chiếc ti vi cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hoàng Thị Th và bà Th không có yêu cầu gì thêm.

Anh Phạm Văn Đ yêu cầu Ngọc phải bồi thường số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, Phạm Văn Ng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 11/CT-VKSBT-KT, ngày 19/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Th, tỉnh H đã truy tố Phạm Văn Ng về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Phạm Văn Ng phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị xử phạt bị cáo: Từ 12 đến 15 tháng tù giam. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 08/2018/HSST ngày 07/3/2018 là 15 (mười lăm) tháng tù, trừ

đi 06 (sáu) ngày tạm giữ. Buộc bị cáo phải trả cho anh Phạm Văn Đ số tiền là 2.000.000đ. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Quan điểm của những người bào chữa: Xét trên các căn cứ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo xem xét cho bị cáo về giá tài sản bị xâm hại không lớn xin giảm nhẹ thêm tình tiết qui định điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Tại phiên tòa mẹ bị cáo là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt phù hợp, nghiêm minh, khoan hồng cho bị cáo.

Viện kiểm sát đồng ý với quan điểm người bào chữa cho bị cáo hưởng thêm tình tiết khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giam bị cáo thấy được hành vi phạm tội của mình là sai trái xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo Phạm Văn Ng, vào sáng ngày 14/12/2017 lợi dụng bố, mẹ không có nhà nên gọi điện cho Phạm Văn H, nhờ H chở đi việc, khi H đi xe môtô đến nhà gặp Ng thì Ng bảo H đứng đợi ở ngoài cổng để vào chuẩn bị đồ đạc. Khi vào nhà Ng đã lấy trộm một chiếc ti vi màn hình phẳng, loại 43 icnh, nhãn hiệu: KONKA, model 4350S, số máy 43CS1240917A0212 mang đi theo đến quán sữa chữa ti vi của nhà anh Phạm Văn Đ. Ng đã bán với giá tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Ngày 26/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị một chiếc ti vi nhãn hiệu KONKA, loại 43 icnh, model 4350S, số máy 43CS1240917A0212, màu đen là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, đơn trình báo của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn Ng phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 tương ứng với khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội không lớn, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội và trên địa bàn, Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ và mục đích của bị cáo là muốn có tiền tiêu dùng cá nhân.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo có một tình tiết được qui định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015); tiền sự không, tiền án có một vào ngày 23/8/2017 Phạm Văn Ng bị Tòa án nhân dân huyện Th xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; nên là tái phạm áp dụng khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015); cần phải xử phạt tù bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người tốt. Nhưng khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm hình phạt cho bị cáo vì sau khi bị bắt và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015);

So sánh quy định quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và mức phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là ngang nhau. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2016, của Quốc hội và Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao nên cho bị cáo được hưởng chính sách pháp luật hình sự năm 1999.

Bản án số 08/2018/HSST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước xử phạt Phạm Văn Ngọc 12 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ thành 03 (ba) tháng tù của bản án số 25/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Th; tổng hình phạt cả hai bản án là 15 (mười lăm) tháng tù, trừ đi 06 (sáu) ngày tạm giữ, đến ngày hôm nay thì bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên tổng hợp hình phạt hai bản án đối với bị cáo.

Đề nghị của Viện kiểm sát: Về áp dụng pháp luật là có căn cứ theo quy định, mức hình phạt hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Bị cáo trộm cắp mục đích là để có tiền tiêu dùng cá nhân, bị cáo vừa mới trên 18 tuổi nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Anh Phạm Văn Đ là người mua chiếc ti vi của Ng, không biết đây là tài sản do Ng trộm cắp mà có nên miễn xét. Việc anh Đ yêu cầu Ng phải bồi thường số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) đây là yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường số tiền là 2.000.000 đ (hai triệu đồng).

[3] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Cơ quan quan điều tra đã thu giữ của bị cáo gồm: Một chiếc ti vi màn hình phẳng, loại 43 icnh, nhãn hiệu: KONKA, model 4350S, số máy 43CS1240917A0212 vào ngày 12/02/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bá Thước đã trả lại chiếc ti vi cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Hoàng Thị Th và bà Th không có yêu cầu gì thêm đây là sự tự nguyện không trái với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Ng phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s khoản 1; khoản2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo: Phạm Văn Ng phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo: Phạm Văn Ng 24 (hai bốn) tháng tù, tổng hợp hình phạt bản án số 08/2018/HSST ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Th là 15 (mười lăm) tháng tù, trừ đi 06 (sáu) ngày tạm giữ. Tổng hợp hình phạt cả hai bản án là 39 (ba chín) tháng tù, trừ đi 06 (sáu) ngày tạm giữ. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 09 tháng 02 năm 2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày) để bảo đảm cho việc thi hành án phạt tù.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Văn Đ số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo: Phạm Văn Ng phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Th;
- Công an huyện Th, Công an trại giam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đại Long